TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2026/HNGĐ-ST Ngày 22-6-2026 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 56a/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị D, sinh ngày 17/9/1985, căn cước công dân số: 031185009311; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vương Đình H, sinh 12/7/1984; căn cước công dân số: 033084003498; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Nước Cộng hòa C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Chị Ngô Thị D có xây dựng gia đình với anh Vương Đình H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/5/2007.

Sau khi kết hôn, hai bên về chung sống tại Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng hòa thận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì hai bên bất đồng nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Đến cuối năm 2016, anh H đi lao động tại Cộng hòa C, đến cuối năm 2025 chị D cũng sang Cộng hòa Cameroon làm việc. Khi hai bên ở Cameroon mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 02/2026 thì chị D về Việt Nam. Vợ chồng mâu thuẫn, chị D không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước Cộng hòa C. Sự việc đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vương Mai L, sinh ngày 01/12/2007; Vương Quốc P, sinh ngày 15/8/2012 và Vương Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2024. Đến nay, cháu L đã trưởng thành, khỏe mạnh tự chăm lo cho bản thân; cháu H1 không may ngã xuống ao chết đuối ngày 19/5/2026 nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, chị D xin được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Vương Quốc P, vì cháu P từ trước đến nay vẫn đang sống cùng chị D. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Bị đơn anh Vương Đình H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đã thông báo cho gia đình anh H cung cấp địa chỉ của anh H tại Cameroon và yêu cầu gia đình anh H cho biết kết quả gia đình đã thông báo cho anh H biết việc chị D có đơn xin ly hôn để anh gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh tại gia đình anh H thể hiện: Chị Ngô Thị D có xây dựng gia đình với anh Vương Đình H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/5/2007. Sau khi lấy nhau hai bên về chung sống tại Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2016 anh H sang Cộng hòa Cameroon lao động. Do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên dẫn đến những mâu thuẫn không thể hòa giải. Anh H đi lao động nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, gọi điện về cho bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ anh H) nhưng anh H không nói địa chỉ cụ thể của mình ở Cameroon nên gia đình cũng không biết địa chỉ của anh H. Năm 2025 anh H có về Việt Nam rồi lại đi. Hiện tại, anh H vẫn ở tại nước Cộng hòa C. Gia đình cũng đã gọi điện thoại thông báo cho anh H biết về việc Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hải Phòng đang thụ lý giải quyết việc chị D có đơn ly hôn với anh H

nhưng anh H không có ý kiến gì. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết đơn ly hôn của chị D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vương Mai L, sinh ngày 01/12/2007; Vương Quốc P, sinh ngày 15/8/2012 và Vương Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2024. Các cháu hiện đang sinh sống cùng chị D tại địa phương.

Về tài sản chung: Gia đình không nắm rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị D được ly hôn anh Vương Đình H; về con chung: Giao con chung là Vương Quốc P, sinh ngày 15/8/2012 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về chia tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là anh Vương Đình H, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Nguyên đơn là chị Ngô Thị D, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1

Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, chị Ngô Thị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Vương Đình H vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ngô Thị D và anh Vương Đình H.

[3] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị D có xây dựng gia đình với anh Vương Đình H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường A) vào ngày 21/5/2007, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống. Anh H đã sang Cộng hòa C lao động từ năm 2016. Đến cuối năm 2016, anh H đi lao động tại Cộng hòa C, đến cuối năm 2025 chị D cũng sang Cộng hòa Cameroon làm việc. Khi hai bên ở Cameroon mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 2/2026 thì chị D về Việt Nam. Từ khi, về Việt Nam chị D không biết chính xác địa chỉ nơi ở của anh H tại Cộng hòa C. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị D với anh Vương Đình H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị D và anh H có 03 con chung là Vương Mai L, sinh ngày 01/12/2007; Vương Quốc P, sinh ngày 15/8/2012 và Vương Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2024. Đến nay, cháu L đã trưởng thành, khỏe mạnh tự chăm lo cho bản thân; cháu Vương Ngọc H1 chết ngày 19/5/2026 (theo trích lục khai tử ngày 21/5/2026) nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy, hiện nay cháu Vương Quốc P đang ăn ở với chị D, anh H đang ở Cộng hòa C, không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, chị D xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vương Quốc P. Đồng thời cháu P đã trên 07 tuổi và có ý kiến đề nghị được ở với chị D. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung Vương Quốc P cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị D được ly hôn với anh Vương Đình H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Vương Quốc P, sinh ngày 15/8/2012 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 2014 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Ngô Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Vương Đình H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND phường An Phong;
(ĐKKH số 50/2007);
- Các đương sự (để thi hành);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Phạm Tuấn Anh